

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 444/2024/DS-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phước Trinh;
- Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Hà Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 342/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ D, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Tỉnh lộ 7, tổ I, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Tỉnh lộ 7, tổ I, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày: Trong thời gian từ tháng 12/2021 đến cuối tháng 01/2022, ông là chủ Cửa hàng V, địa chỉ ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có bán vật liệu xây dựng cho bà Lê Thị

Mỹ D. Việc mua bán vật liệu giữa ông và bà D không có lập hợp đồng, chỉ đồ vật liệu theo từng đợt và ghi phiếu. Sau khi xây dựng nhà xong từ cuối tháng 01/2022 đến nay bà D còn nợ ông tiền mua vật liệu xây dựng 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng). Ông đã nhiều lần liên hệ đề nghị bà D thanh toán số tiền còn nợ nói trên nhưng bà D cũng không thanh toán mà chỉ ghi cho ông giấy hẹn thanh toán bắt đầu từ tháng 02/2024 mỗi tháng bà D thanh toán cho ông 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông nhận thấy phương án thanh toán tiền của bà D như vậy làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông vì ông đã bán vật liệu cho bà D xây nhà tính đến nay đã lâu nhưng bà D cũng đã thất hẹn nhiều lần. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc cá nhân bà Lê Thị Mỹ D trả cho ông số tiền 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2024, bị đơn bà Lê Thị Mỹ D trình bày: Từ tháng 12/2021 đến cuối tháng 01/2022, bà có sửa sang nhà cửa. Do không biết chỗ mua bán vật liệu nên bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1955 đã giới thiệu bà tự liên hệ trực tiếp với cửa hàng vật liệu xây dựng của ông Nguyễn Trọng T để mua vật liệu xây nhà. Sau khi xây nhà xong bà còn thiếu nợ của ông T 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng). Nay, do bà bệnh tật và không có khả năng trả, bà xin trả hàng tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ D vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị G vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D cư trú tại tổ I, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Mỹ D, bà Huỳnh Thị G đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà D, bà G vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt bà D, bà G theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét giữa ông T và bà D có giao dịch với nhau về việc mua bán vật liệu xây dựng. Theo đó, ông T là người bán vật liệu xây dựng và bà D là người mua vật liệu xây dựng. Việc mua bán vật liệu xây dựng giữa ông T và bà D không có lập hợp đồng, chỉ đổ vật liệu xây dựng theo từng đợt và ghi phiếu. Sau khi xây dựng nhà xong từ cuối tháng 01/2022 đến nay bà D còn nợ ông T 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng). Ông T đã nhiều lần liên hệ đề nghị bà D thanh toán số tiền còn nợ nhưng bà D cũng không thanh toán. Bà D có viết giấy tay xác nhận nợ tiền mua vật liệu. Tại bản tự khai bà D cũng thừa nhận có nợ tiền của ông T 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng), tuy nhiên do không có khả năng, bà xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết số nợ nhưng tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu bà D trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc bà D trả dần ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T. Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét cần buộc bà D trả cho ông T số tiền 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T, buộc bà Lê Thị Mỹ D có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Trọng T số

tiền nợ 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 7.050.000đ (bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) bà Lê Thị Mỹ D phải chịu.

Trả lại cho ông Nguyễn Trọng T số tiền tạm ứng án phí 3.525.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019248 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy